

**BẢN SAO**

# **CÔNG TY IN TRẦN PHÚ**

-----  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/11/2012  
đã được kiểm toán**

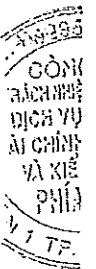
**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM - AASCS**

## MỤC LỤC



NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty In Trần Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 11 năm 2012.

### Thông tin pháp lý

Công ty In Trần Phú là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 340/QĐ do Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 10 tháng 02 năm 1993.

Hoạt động chính của Công ty là in gia công, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc ngành in.

### Kết quả hoạt động

- Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 30/11/2012 là 20.880.914.699 VND (Năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 20.462.985.127VND).

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty In Trần Phú bao gồm:

Ông Đặng Hoàng Nhụy	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thanh Văn	Phó Giám đốc Công ty
Ông Cao Văn Điệp	Phó Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Kế toán trưởng

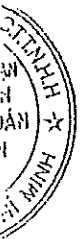
### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ;



**CÔNG TY IN TRẦN PHÚ**

Địa chỉ: 71 – 73 – 75 Hai Bà Trưng, Q. 1, TP.HCM

- Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2012

Giám đốc



*Đặng Hoàng Nhung*





Số: 19/BCKT/TC

Ngày 26 tháng 11 năm 2012.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Công ty In Trần Phú  
(Chuyển đổi từ Công ty In Trần Phú thành Công ty TNHH MTV In Trần Phú)

Kính gửi : Ban Giám đốc Công ty In Trần Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty In Trần Phú được lập ngày 15 tháng 12 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 11 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

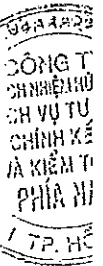
### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên :

Tính đến ngày 30/11/2012, Công ty In Trần Phú chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên In Trần Phú từ ngày 01/12/2012 nên đơn vị không tổ chức kiểm kê và xác nhận công nợ tại thời điểm 30/11/2012 vì vậy kiểm toán không tham gia; do đó các khoản tiền, công nợ, tài sản, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn vị.

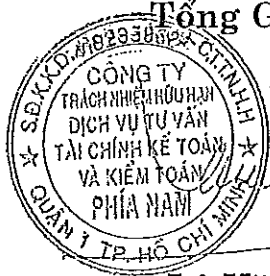
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty In Trần Phú tại ngày 30 tháng 11 năm 2012,



cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 11 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Tuấn**

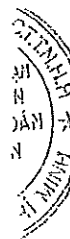
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

**Kiểm toán viên**

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Lê Kim Ngọc'.

**Lê Kim Ngọc**

Chứng chỉ KTV số 0181/ KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh V	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>281.391.358.029</b>	<b>201.271.417.479</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.162.847.047</b>	<b>21.422.209.313</b>
1. Tiền	111	1	11.162.847.047	21.422.209.313
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.057.273.394</b>	<b>102.762.435.682</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2	62.333.904.029	66.747.862.323
2. Trả trước cho người bán	132	3	89.166.451.341	5.500.733.634
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	4	42.758.078.299	33.715.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	5	(3.201.160.275)	(3.201.160.275)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>77.434.124.220</b>	<b>76.953.277.484</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	78.225.072.778	77.744.226.042
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	7	(790.948.558)	(790.948.558)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.737.113.368</b>	<b>133.495.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	8	1.721.118.368	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	15.995.000	133.495.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>34.659.015.581</b>	<b>51.927.938.642</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	212			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
3. Phải thu dài hạn nội bộ				
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.880.531.181</b>	<b>43.149.454.242</b>
1. TCSĐ hữu hình	221	10	25.447.382.391	43.149.454.242
- Nguyên giá	222		344.825.905.441	373.005.700.183
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(319.378.523.050)	(329.856.245.941)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh V	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	433.148.790	
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.778.484.400	8.778.484.400
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	8.778.484.400	8.778.484.400
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>316.050.373.610</b>	<b>253.199.356.121</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh V	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>134.272.870.784</b>	<b>84.277.698.165</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.387.177.314</b>	<b>76.578.661.820</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	13	7.644.499.480	3.696.010.860
3. Người mua trả tiền trước	313	14	7.353.785.001	825.342.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	9.413.428.534	11.618.045.855
5. Phải trả người lao động	315	16	9.151.461.767	6.760.971.400
6. Chi phí phải trả	316			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	17.926.869.056	17.871.962.402
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	18	22.897.133.476	35.806.329.197
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.885.693.470</b>	<b>7.699.036.345</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	19	59.316.400.000	6.964.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	20	569.293.470	735.036.345
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>181.777.502.826</b>	<b>168.921.657.956</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>181.777.502.826</b>	<b>168.921.657.956</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	156.532.031.418	143.660.186.548
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	21.745.471.408	21.745.471.408
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	3.300.000.000	3.300.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	24	200.000.000	216.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b><u>316.050.373.610</u></b>	<b><u>253.199.356.121</u></b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	V.1.2		
- USD		129.128,78	7.639,05
- EURO		480,98	470,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Văn Thịnh

Đặng Hoàng Nhung



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

11 tháng năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	11 tháng năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	351.899.857.528	400.602.086.245
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		351.899.857.528	400.602.086.245
4. Giá vốn hàng bán	11	26	317.175.992.224	349.659.546.374
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.723.865.304	50.942.539.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.755.072.279	2.464.028.802
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	28	303.518.709	6.420.657.995
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		303.518.709	2.688.889.201
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	22.272.040.991	24.817.333.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		14.903.377.883	22.168.577.028
11. Thu nhập khác	31	30	11.794.186.732	5.818.258.745
12. Chi phí khác	32	31	1.111.586.962	702.855.603
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.682.599.770	5.115.403.142
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.585.977.653	27.283.980.170
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	4.705.062.954	6.820.995.043
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		20.880.914.699	20.462.985.127

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Văn Trình

Đặng Hoàng Nhung

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

11 tháng năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	11 tháng năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và DT khác	01	398.657.676.556	462.215.313.318
2. Tiền chi trả cho người CC hàng hóa và DV	02	(317.495.631.428)	(213.330.988.425)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.191.881.507)	(78.234.146.497)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(303.518.709)	(2.688.889.201)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.040.037.353)	(7.231.750.143)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	208.936.128.320	111.353.291.764
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(294.066.605.416)	(192.692.860.315)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(68.503.869.537)</b>	<b>79.389.970.501</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.485.801.818)	(22.817.165.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.870.909.089	277.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.399.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26	-	10.483.640.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.385.107.271</b>	<b>(14.455.652.622)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	59.316.400.000	21.937.141.164
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.457.000.000)	(75.941.930.242)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>52.859.400.000</b>	<b>(54.004.789.078)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.259.362.266)</b>	<b>10.929.528.801</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 28 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính)



**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

11 tháng năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	11 tháng năm nay	Năm trước
1	2	3	4
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.422.209.313	10.492.680.512
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+)	70	11.162.847.047	21.422.209.313

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Văn Thịnh

Đặng Hoàng Nhung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty In Trần Phú là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 340/QĐ do Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 10 tháng 02 năm 1993.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là in gia công, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc ngành in.

4. Tổng số nhân viên : 390 người (không bao gồm 68 hợp đồng lao động thời vụ).

Trong đó: - Nhân viên trực tiếp kinh doanh: 340 người.

- Nhân viên quản lý: 50 người.

#### 5. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh trong năm

Trong năm 2011 thị trường vẫn còn nhiều biến động gây bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ nền kinh tế nói chung, và của ngành in nói riêng. Giá cả của các loại vật tư chủ yếu liên tục tăng, trong tình hình kinh tế khó khăn sức mua của xã hội đối với sản phẩm ngành in giảm rõ rệt, tỷ giá VND với các loại ngoại tệ tăng cao thậm chí nhiều lúc khan hiếm không có nguồn cung ngoại tệ. Năm 2011 Cty In Trần Phú gặp rất nhiều bất lợi trong hoạt động SXKD.

### II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012

mục do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty In Trần Phú là Nhật ký Chứng từ.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc, xác định các khoản tiền (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển):

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-chi nhánh TP HCM công bố vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam-chi nhánh TP HCM.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

### 2.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### 2.3. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## 3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

### 3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### 3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009.

## 4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo vẫn chưa được phân loại theo tuổi nợ (dưới 1 năm và trên 1 năm).

## 5. Ghi nhận chi phí trả trước:

Trong năm, Công ty không áp dụng.

## 6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay: Theo chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác: không phát sinh.

## 7. Kế toán các hoạt động liên doanh

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

- Công ty In Trần Phú liên doanh với Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn – Vĩnh Long: Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát.

## 8. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012

số 09/2009/NĐ – CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và thông tư số 155/2009/TT-BTC ngày 31/07/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận của công ty nhà nước theo quy định.

**9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

9.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

9.2 Doanh thu hoạt động tài chính: chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**11. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng được hạch toán vào thu nhập tài chính trong năm.

- Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ, công ty phải đánh giá lại số dư cuối năm của các loại ngoại tệ, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

- Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ 1 phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải

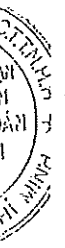


## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 11 năm 2012

bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

-Trường hợp chênh lệch giảm được hạch toán vào thu nhập tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	30/11/2012	30/11/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
<b><u>1. Tiền</u></b>		<b><u>11.162.847.047</u></b>	<b><u>21.422.209.313</u></b>
<b><u>1.1. Tiền mặt tại quỹ (TK 111)</u></b>		<b><u>354.182.926</u></b>	<b><u>1.200.403.288</u></b>
<u>Tiền VND</u>		<u>354.182.926</u>	<u>1.200.403.288</u>
<b><u>1.2. Tiền gửi ngân hàng (TK 112)</u></b>		<b><u>10.808.664.121</u></b>	<b><u>20.221.806.025</u></b>
<u>Tiền VND</u>		<u>8.097.417.436</u>	<u>20.043.854.543</u>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN TP.HCM		6.745.757.720	20.043.854.543
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		1.275.792.610	
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam		1.739.328	
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)		74.127.778	
<u>Tiền USD</u>	<u>USD 129.128,78</u>	<u>2.696.843.354</u>	<u>163.830.762</u>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Tp.HCM	USD 62.126,92	1.299.050.614	163.830.762
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	USD 67.001,86	1.397.792.740	
<u>Tiền EUR</u>	<u>EUR 480,98</u>	<u>14.403.331</u>	<u>14.120.720</u>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN. Tp.HCM	EUR 470,97	14.132.500	14.120.720
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	EUR 10,01	270.831	
<b><u>Các khoản phải thu ngắn hạn</u></b>			
<b><u>2. Phải thu khách hàng (TK 131)</u></b>		<b><u>62.333.904.029</u></b>	<b><u>66.747.862.323</u></b>
<u>Trong đó:</u>			
- Công ty TNHH An Hảo		2.006.516.519 (*)	2.906.711.551
- Công ty TNHH Văn Hoá Trí Đức Thái Thịnh		5.052.447.504 (*)	4.282.039.604
- Công ty TNHH AMWAY Việt Nam		3.104.338.637 (*)	1.576.379.629
- Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam		4.117.993.000 (*)	4.175.016.076
- Tổng công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn		3.402.718.000 (*)	3.718.655.600
- Cty CP Niê n Giám điện thoại và trang vàng 2 - VN		0	1.792.339.720

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	30/11/2012	30/11/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Công ty TNHH SX-TM-DV Minh Thái Hòa		96.506.750 (**)	96.506.750
- Các doanh nghiệp linh tinh (Chị Thủy)		439.257.813 (**)	63.713.463
- Công ty TNHH Truyền Thông Hoa Mặt Trời		3.486.686.529 (*)	4.554.597.158
- Công ty TNHH Metro Cash & Carry VN		1.797.843.504 (*)	1.587.471.301
- Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại TP.Hồ Chí Minh		6.105.074.938 (*)	4.569.283.444
- Chi nhánh Công ty TNHH Quốc Anh		129.516.500 (**)	129.516.500
- Báo Sài Gòn Tiếp Thị		3.856.467.191 (*)	2.630.833.508
- Tạp Chí Thời Trang Trẻ		2.391.592.580 (*)	3.375.832.640
- Báo Phụ Nữ Việt Nam		1.659.754.200 (*)	6.730.621.345
- Cty TNHH Một Thành Viên Ấn Phẩm Tạp Chí		924.871.160 (*)	1.499.952.074
- Cty CP Truyền Thông VIETNAMNET M5		2.558.541.500 (**)	2.558.541.500
- Nhà xuất bản văn hóa văn nghệ		114.748.775 (**)	114.748.775
- Tạp chí Tiếp Thị & Gia Đình		0	3.413.075.600
- Công ty TNHH VHST Đảo San Hô		71.058.500 (**)	71.058.500
- Cty CP Đầu tư và truyền thông Toàn Cầu		278.046.500 (**)	278.046.500
- Cty TNHH TK SX TMDV QC Tân Gia Nguyễn		9.000.000 (**)	9.000.000
- Nhà xuất bản chính trị Quốc Gia - Sự Thật		0	1.498.000.000
- Cty TNHH Một Thành Viên Thế Giới Gia Đình		976.759.744 (*)	1.042.629.555
- Cty TNHH DV Trí Nhân		1.461.022.179 (*)	872.182.147

Các khoản công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn

(\*\*) Các khoản công nợ khó đòi đã được trích lập dự phòng.

**3. Trả trước cho người bán-TK 331****89.166.451.341****5.500.733.634****Trong đó:**

- Rieckermann GmBH	EUR 3.103.368,18	84.130.978.710 (*)	
- Raccolta,Molnar&Greiner GmbH	EUR 146.435,08	3.959.604.563 (*)	
- Winpac paper LTD		(*)	4.901.826.605
- Công ty TNHH XD-TM Kỹ Thuật Minh Hải		471.921.120 (*)	471.921.120

Các khoản công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn

**4. Phải thu khác****42.758.078.299****33.715.000.000****Phải thu về cổ phần (TK 1385)****156.000.000****148.000.000****Phải thu khác (TK 1388)****42.602.078.299****33.567.000.000****Trong đó:**

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	30/11/2012	30/11/2012	01/01/2012
	Ngoại tệ	VND	VND
- Gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Tp.HCM		15.000.000.000	26.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phương Gia Phú		7.500.000.000 (*)	7.500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư đất Q2		10.000.000.000 (*)	
- Gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam		5.000.000.000	
- Gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		5.000.000.000	

Các khoản công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn

<b><u>5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 139)</u></b>	<b><u>(3.201.160.275)</u></b>	<b><u>(3.201.160.275)</u></b>
- Công ty Minh Thái Hòa (TK131)	(96.506.750)	(96.506.750)
- NXB Văn Hóa Sài Gòn (TK131)	(114.748.775)	(114.748.775)
- Công ty TNHH VHST Đảo San Ho (TK131)	(71.058.500)	(71.058.500)
- Công ty CP ĐT & TT Toàn Cầu (TK131)	(278.046.500)	(278.046.500)
- Cty TNHH TK SX TMDV QC Tân Gia Nguyễn (TK131)	(9.000.000)	(9.000.000)
- Tạp chí Echip (C Bích Thủy) (TK131)	(8.500.000)	(8.500.000)
- Cty CP TT VIETNAMNET M5 (TK131)	(2.558.541.500)	(2.558.541.500)
- CN Cty TNHH Quốc Anh (TK131)	(64.758.250)	(64.758.250)

**Hàng tồn kho**

<b><u>6. Hàng tồn kho</u></b>	<b><u>78.225.072.778</u></b>	<b><u>77.744.226.042</u></b>
- Nguyên vật liệu (TK 152)	71.872.331.684	69.492.865.829
- Công cụ dụng cụ (TK 153)	611.181.661	620.915.864
- Chi phí sản xuất dở dang (TK 154)	5.741.559.433	7.630.444.349

Do kiểm toán không tham gia kiểm kê thực tế vào ngày 30/11/2012 nên chúng tôi lấy theo số liệu tồn kho trên sổ sách kế toán của đơn vị.

<b><u>7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159)</u></b>	<b><u>(790.948.558)</u></b>	<b><u>(790.948.558)</u></b>
- Báo in do 40g cuộn 86cm	(790.948.558)	(790.948.558)

<b><u>8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</u></b>	<b><u>1.721.118.368</u></b>	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK3334)	1.721.118.368	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	30/11/2012 Ngoại tệ	30/11/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>9. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b><u>15.995.000</u></b>	<b><u>133.495.000</u></b>
<u>Tam ứng (TK 141)</u>		<u>15.995.000</u>	<u>133.495.000</u>
- Nguyễn Phúc Lộc		2.000.000	
- Trần Văn Ngôi		400.000	
- Nguyễn Ngọc Phú			5.000.000
- Vũ Đình Hợp		5.000.000	5.000.000
- Lê Anh Thư		2.595.000	
- Nguyễn Trọng Tâm		4.000.000	
- Lê Ngọc Hương Thanh		2.000.000	

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

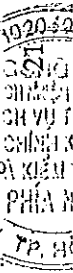
**10. Tài sản cố định**

Nhóm TSCĐ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					Tổng cộng
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị & Dụng cụ Văn Phòng	Phương tiện vận tải			
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ	15.353.868.234	355.899.796.762	1.752.035.187			373.005.700.183
- Mua sắm mới		328.011.000	1.157.790.818			1.485.801.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán		29.665.596.560				29.665.596.560
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	15.353.868.234	326.562.211.202	2.909.826.005			344.825.905.441
II. Giá trị hao mòn						
1. Số dư đầu kỳ	11.698.717.741	316.473.619.371	1.683.908.829			329.856.245.941
- Khấu hao trong năm	1.082.217.404	17.977.012.841	128.643.424			19.187.873.669
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán		29.665.596.560				29.665.596.560
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	12.780.935.145	304.785.035.652	1.812.552.253			319.378.523.050
III. Giá trị còn lại						
1. Số dư đầu kỳ	3.655.150.493	39.426.177.391	68.126.358			43.149.454.242
2. Số dư cuối kỳ	2.572.933.089	21.777.175.550	1.097.273.752			25.447.382.391

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/11/2012 chờ thanh lý: 31.388.815.683 VND

Do kiểm toán không tham gia kiểm kê thực tế vào ngày 30/11/2012 nên chúng tôi lấy theo số liệu tồn kho trên sổ sách kế toán của đơn vị.

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	30/11/2012 Ngoại tệ	30/11/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)</b>		<b>433.148.790</b>	
- Hợp đồng khảo sát địa chất khu đất Cát Lái		433.148.790	
<b>12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (TK 222)</b>		<b>8.778.484.400</b>	<b>8.778.484.400</b>
- Góp vốn LD căn hộ cho thuê số 11D Thi Sách Q. 1		4.379.084.400	4.379.084.400
- Góp vốn LD căn hộ khách sạn Vĩnh Long		4.399.400.000	4.399.400.000
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
<b>13. Phải trả cho người bán (TK 331)</b>		<b>7.644.499.480</b>	<b>3.696.010.860</b>
<b>Trong đó:</b>			
- CN Cty TNHH Thiết bị in SPM		2.695.114.840 (*)	
- Cty CP TM Toàn Lực		138.902.099 (*)	488.113.879
- Cty TNHH Thiết Bị Chế Bản Điện Tử Tân Long		1.203.387.504 (*)	1.137.378.264
- Cty TNHH Starprint Việt Nam			1.011.316.814
- DNTN SX TM Phùng Vĩnh Hưng		2.155.073.794 (*)	507.454.302
- Cty TNHH MTV XSKT Tỉnh Vĩnh Long		775.966.409 (*)	
Các khoản công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn vị			
<b>14. Người mua trả tiền trước (TK 131)</b>		<b>7.353.785.001</b>	<b>825.342.106</b>
<b>Trong đó:</b>			
- Thầy Trung Hậu		54.244.046 (*)	73.090.046
- NXB Tôn giáo		456.525.000 (*)	
- Anh Ngô Trương Minh Tùng		2.330.000.000 (*)	
- Ngân hàng CP Đông Á		3.045.720.000 (*)	
- Cty TNHH SX TM và In Bao bì		293.068.500 (*)	
- Cty TNHH TM Dịch vụ Dương		678.480.000 (*)	
Các khoản công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012, kiểm toán căn cứ theo số liệu sổ sách của đơn vị			
<b>15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (TK 333)</b>		<b>9.413.428.534</b>	<b>11.618.045.855</b>
- Thuế GTGT đầu ra (TK 33311)		431.131.624	1.028.574.205
- Thuế xuất nhập khẩu (TK 3333)		622.004.730	51.043.654
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)			1.613.856.031
- Thuế thu nhập cá nhân (TK3335)		214.212.110	2.924.571.965
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (TK3337)		8.146.080.070	6.000.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.**

	30/11/2012 Ngoại tệ	30/11/2012 VND	01/01/2012 VND
* Ghi chú: Các số liệu về thuế kiểm toán tạm tính theo số liệu của đơn vị, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.			

<b><u>16. Phải trả công nhân viên (TK 334)</u></b>	<b><u>9.151.461.767</u></b>	<b><u>6.760.971.400</u></b>
<b><u>17. Các khoản phải trả, phải nộp khác</u></b>	<b><u>17.926.869.056</u></b>	<b><u>17.871.962.402</u></b>
<b><u>17.1 Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 1388)</u></b>	<b><u>220.380</u></b>	<b><u>220.380</u></b>
- Công ty Toyo Products SDN BHD	220.380	220.380
<b><u>17.2 Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 141)</u></b>	<b><u>65.278.634</u></b>	<b><u>48.561.624</u></b>
- Vũ Danh Dương	59.976.759	
- Đồng Thanh Sơn	4.838.875	5.783.013
- Huỳnh Công Khanh	463.000	463.000
<b><u>17.3 Phải trả khác (TK 338)</u></b>	<b><u>17.861.370.042</u></b>	<b><u>17.823.180.398</u></b>
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	509.107.907	783.340.405
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	499.971.507	94.592.747
- Bảo hiểm y tế (TK 3384)	167.159.632	100.204.915
- Tài khoản 3388	16.651.246.253	16.840.655.204
Trong đó:		
+ Liên doanh SG Apartment	14.529.084.400 (*)	14.529.084.400
+ CBCNV Công ty IN Trần Phú		(*) 514.396.087
+ Nguyễn Thị Ngọc Nga	173.381.100 (*)	
+ Cty XS KT Vĩnh Long	136.933.585 (*)	
+ Cty TNHH TM DV Xu	253.224.150 (*)	
- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3389)	33.884.743 (*)	
(*) Công nợ chưa xác nhận tại ngày 30/11/2012		

<b><u>18. Quỹ khen thưởng phúc lợi</u></b>	<b><u>22.897.133.476</u></b>	<b><u>35.806.329.197</u></b>
- Quỹ khen thưởng (TK 3531)	10.158.780.512	19.604.621.682
- Quỹ phúc lợi (TK 3532)	12.738.352.964	16.201.707.515

**Nợ dài hạn**

<b><u>19. Vay và nợ dài hạn</u></b>	<b><u>EUR 2.200.000</u></b>	<b><u>59.316.400.000</u></b>	<b><u>6.964.000.000</u></b>
<b><u>Vay dài hạn (TK 341)</u></b>	<b><u>EUR 2.200.000</u></b>	<b><u>59.316.400.000</u></b>	<b><u>6.964.000.000</u></b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN. Tp.HCM	EUR 2.200.000	59.316.400.000	6.964.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	30/11/2012 Ngoại tệ	30/11/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm (TK 351)</b>		<b>569.293.470</b>	<b>735.036.345</b>

**Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa P.P	Cộng
	21	22	23		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	131.026.888.529	21.745.471.408	3.300.000.000		156.072.359.937
Tăng vốn trong năm trước	12.633.298.019				12.633.298.019
Lãi trong năm trước				20.462.985.127	20.462.985.127
Tăng khác					
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(7.629.687.108)	(7.629.687.108)
Trích Quỹ khen thưởng BQL				(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác					
Trích tăng vào vốn				(12.633.298.019)	(12.633.298.019)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	143.660.186.548	21.745.471.408	3.300.000.000		168.705.657.956
Tăng vốn trong năm nay	12.871.844.870				12.871.844.870
Lãi trong năm nay				20.880.914.699	20.880.914.699
Tăng khác					
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(7.809.069.829)	(7.809.069.829)
Trích Quỹ khen thưởng BQL				(200.000.000)	(200.000.000)
Giảm khác					
Trích tăng vào vốn				(12.871.844.870)	(12.871.844.870)
<b>Số dư cuối tại ngày 30/11/2012</b>	156.532.031.418	21.745.471.408	3.300.000.000		181.577.502.826

<b>24. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>200.000.000</b>	<b>216.000.000</b>
- Quỹ khen thưởng BQL (TK 3534)	200.000.000	216.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	11 tháng năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b><u>25. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511)</u></b>	<b><u>351.899.857.528</u></b>	<b><u>400.602.086.245</u></b>
- Doanh thu tiêu thụ giấy	177.098.202.145	189.974.286.149
- Doanh thu công in + chế bản	160.836.895.667	196.109.782.535
- Doanh thu kinh doanh vật tư	7.674.917.996	7.665.579.690
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.289.841.720	6.848.801.507
- Doanh thu nhập khẩu ủy thác		3.636.364
<b><u>26. Giá vốn hàng bán (TK 632)</u></b>	<b><u>317.175.992.224</u></b>	<b><u>349.659.546.374</u></b>
<b><u>27. Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)</u></b>	<b><u>2.755.072.279</u></b>	<b><u>2.464.028.802</u></b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.755.072.279	2.464.028.802
<b><u>28. Chi phí hoạt động tài chính (TK 635)</u></b>	<b><u>303.518.709</u></b>	<b><u>6.420.657.995</u></b>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện		3.731.768.794
- Tiền lãi trả cho các khoản vay	303.518.709	2.688.889.201
<b><u>29. Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)</u></b>	<b><u>22.272.040.991</u></b>	<b><u>24.817.333.650</u></b>
<b><u>30. Thu nhập khác (TK 711)</u></b>	<b><u>11.794.186.732</u></b>	<b><u>5.818.258.745</u></b>
- Doanh thu bán phế liệu	2.817.797.998	2.958.407.477
- Doanh thu hoạt động khác	2.105.479.645	2.582.578.541
- Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định	6.870.909.089	277.272.727
<b><u>31. Chi phí khác (TK 811)</u></b>	<b><u>1.111.586.962</u></b>	<b><u>702.855.603</u></b>
- Doanh thu bán phế liệu		605.000.000

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	11 tháng năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động khác	1.111.586.962	47.855.603
- Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định		50.000.000
<b>32. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a+b)</b>	<b>4.705.062.954</b>	<b>6.820.995.043</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.585.977.653	27.283.980.170
<p>Vì đơn vị không xác định được lợi nhuận của các hoạt động xuất bản phẩm và doanh thu khác nên lợi nhuận để tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu xuất bản phẩm và doanh thu khác với tổng doanh thu của doanh nghiệp trong 11 tháng năm 2012</p>		
- Tổng doanh thu 11 tháng năm 2012	366.449.116.539	
+ Doanh thu xuất bản phẩm	161.500.848.135	
+ Doanh thu khác	204.948.268.404	
- Tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu xuất bản phẩm với tổng doanh thu 11 tháng năm 2012	44,07%	
- Tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu khác với tổng doanh thu 11 tháng năm 2012	55,93%	
- Lợi nhuận doanh thu xuất bản phẩm	11.276.209.724	
- Lợi nhuận doanh thu khác	14.309.767.929	

Theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

	11 tháng năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
a. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh của lợi nhuận xuất bản phẩm trong kỳ: (11.276.209.724*10%)	1.127.620.972	
b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh của lợi nhuận khác trong kỳ: (14.309.767.929*25%)	3.577.441.982	6.820.995.043
<b><u>33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</u></b>	<b><u>331.100.629.929</u></b>	<b><u>368.863.607.953</u></b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.794.247.725	244.287.629.016
- Chi phí nhân công	61.144.604.405	64.679.557.361
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.187.873.669	19.701.781.397
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.850.572.357	12.523.117.429
- Chi phí khác bằng tiền	20.123.331.773	27.671.522.750

**VI. Những thông tin khác.**

1. Thông tin về các bên liên quan: không

2. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không

4. Thông tin về hoạt động liên tục: không

5. Những thông tin khác:

Công ty In Trần Phú chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên In Trần Phú, do vậy đơn vị đã tiến hành lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/11/2012 và niên độ kế toán vẫn là ngày 31/12/2012

(Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam và có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

11 tháng năm 2012	Năm 2011
VND	VND

#### 6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty kiểm toán AASCS kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Thịnh

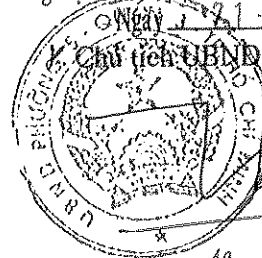
Đặng Hoàng Nhung

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Số chứng thực 21394 Quyển số SCT/BS

Ngày 21-10-2015

Chữ tích UBND - P.5 - Q.3



Nguyễn Chí Long Hải